

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ GC  
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 235/2022/DS-ST

Ngày: 16-12-2022

V/v tranh chấp “Hợp đồng góp hụi”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ GC, TỈNH TIỀN GIANG**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Thừa;

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Võ Văn Dũng;

2. Ông Võ Thanh Phong;

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thu Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã GC, tỉnh Tiền Giang;

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã GC tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Trường Bảo Vy - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã GC xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 178/2022/TLST-DS ngày 03 tháng 10 năm 2022 về tranh chấp “Hợp đồng góp hụi” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 252/2022/QĐXX-ST ngày 18 tháng 11 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 168/2022/QĐST-DS ngày 05 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1967;

Địa chỉ: ấp CM, xã LH, thị xã GC, tỉnh Tiền Giang (xin vắng mặt);

2. *Bị đơn:*

2.1. Anh Lê Minh T, sinh năm 1987;

2.2. Chị Phạm Huỳnh Ngọc TH, sinh năm 1988;

Cùng địa chỉ: ấp GC, xã LH, thị xã GC, tỉnh Tiền Giang (vắng mặt).

3. *Người làm chứng:*

3.1. Bà Đỗ Thị Ngọc H, sinh năm 1968;

Địa chỉ: ấp CM, xã LH, thị xã GC, tỉnh Tiền Giang (xin vắng mặt);

3.2. Bà Phạm Thị NH, sinh năm 1969;

Địa chỉ: ấp CM, xã LH, thị xã GC, tỉnh Tiền Giang (xin vắng mặt);

3.3. Bà Nguyễn Thị Bích PH, sinh năm 1978;

Địa chỉ: ấp GC, xã LH, thị xã GC, tỉnh Tiền Giang (xin vắng mặt);

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình tố tụng nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:*

Vào ngày 15/5/2018 bà có tham gia chơi 02 dây hội (mỗi dây một phần, mỗi phần 02 triệu do chị Phạm Huỳnh Ngọc TH và anh Lê Minh T làm thảo. Hình thức là hội mùa (03 tháng khui một lần và khui vào ngày 15 âm lịch). Mỗi dây gồm có 10 phần, hội mãn vào ngày 15/8/2020 âm lịch. Cả hai dây hội bà T đều hốt chót được số tiền là 36.000.000 đồng, cho đầu thảo 2.000.000 đồng còn lại 34.000.000 đồng. Đến ngày giao hội anh T, chị TH không giao tiền cho bà mà hứa hẹn nhiều lần đến nay.

Do quyền lợi bị xâm phạm nay bà yêu cầu anh T, chị TH cùng có trách nhiệm trả cho bà số tiền hội là 34.000.000 đồng khi án có hiệu lực pháp luật.

*\* Bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không có ý kiến gì.*

*\* Tại biên bản ghi lời khai của đương sự những người làm chứng Đỗ Thị Ngọc H, Phạm Thị NH, Nguyễn Thị Bích PH trình bày: Thống nhất như lời trình bày của bà T.*

*\* Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã GC tại phiên tòa như sau:*

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của các đương sự và những người tham gia tố tụng khác từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn chị TH, anh T có nơi cư trú tại xã LH, thị xã GC nên căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã GC, tỉnh Tiền Giang.

[2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn khởi kiện bị đơn để tranh chấp tiền nợ hội. Căn cứ vào các Điều 471 Bộ luật Dân sự nên quan hệ pháp luật là tranh chấp “Hợp đồng góp hội”.

[3]. Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt. Bị đơn vắng mặt không có lý do mặc dù Tòa án đã tổng đạt hợp lệ. Căn cứ vào các Điều 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đương sự trên.

[4]. Về nội dung vụ án:

Bà T yêu cầu chị TH, anh T phải trả số tiền nợ hui là 34.000.000 đồng, trả ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật. Nguyên đơn có cung cấp cho toà án 02 giấy nhận nợ bản chính. Xét yêu cầu khởi kiện của bà T, Hội đồng xét xử nhận thấy giao dịch góp hui giữa các bên đương sự trong vụ án là có thật, thể hiện vào 02 biên nhận không có ghi ngày viết biên nhận mà nguyên đơn cung cấp cho Tòa án. Trong biên nhận thể hiện rõ việc nhận nợ hui của anh T, chị TH còn nợ bà T 02 phần hui với số tiền 34.000.000 đồng, cam kết đến ngày 15/8/2020 sẽ trả trước 17.000.000 đồng, còn 17.000.000 đồng đến ngày 15/9 sẽ trả hết. Tuy nhiên sau khi viết biên nhận thì vợ chồng anh T, chị TH vẫn không thực hiện cam kết trả nợ như thỏa thuận, hiện tại vẫn còn nợ bà T 34.000.000 đồng. Những người làm chứng là các thành viên trong dây hui cũng thống nhất như lời khai của bà T. Chị TH, anh T là chủ hui nhưng lại không giao đủ tiền hui khi bà T hốt hui mặc dù bà T đã thực hiện đúng nghĩa vụ của hui viên đóng đúng kỳ theo các kỳ hui và giao đủ tiền. Hiện tại hui đã mãn nên vi phạm nghĩa vụ của chủ hui được quy định tại Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ. Xét thấy số tiền trên đáng lẽ ra bị đơn phải trả khi bà T hốt hui nhưng đã kéo dài đến nay làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà T. Do Chị TH, anh T là người có lỗi trong việc vi phạm thỏa thuận giữa các bên nên bị đơn phải có nghĩa vụ trả số tiền 34.000.000 đồng còn nợ ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn chị TH, anh T đã được triệu tập hợp lệ theo quy định của pháp luật từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến phiên tòa sơ thẩm, nhưng anh, chị vắng mặt không lý do và cũng không có ý kiến phản đối gì đến yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà T. Theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự thì một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tài liệu, tình tiết, văn bản mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh. Như vậy anh T, chị TH đã thừa nhận còn nợ và đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà T. Việc có tình vắng mặt là nhằm kéo dài thời gian trả nợ, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn.

Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở, phù hợp pháp luật và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5]. Xét ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã GC tại phiên tòa là có cơ sở nên chấp nhận.

[6]. Về án phí: Chị TH, anh T phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban TH vụ Quốc hội.

[7]. Về quyền kháng cáo của đương sự: Được thực hiện theo quy định tại các Điều 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 147, Điều 238, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 357, 471, 468 Bộ luật Dân sự;

- Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T.

Buộc anh Lê Minh T và chị Phạm Huỳnh Ngọc TH phải có nghĩa vụ trả cho bà T tổng cộng số tiền nợ là 34.000.000 đồng, thời gian trả sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu phần tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí:

- Chị Phạm Huỳnh Ngọc TH và anh Lê Minh T phải chịu 1.700.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn lại cho bà Nguyễn Thị T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 850.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0006954 ngày 03 tháng 10 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã GC, tỉnh Tiền Giang.

3. Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, đương sự có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm. Trường hợp đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*Nơi nhận:*

- Tòa án nhân dân tỉnh TG;
- VKSND TXGC;
- Chi cục THADS TXGC;
- Các đương sự;
- Lưu.

**Nguyễn Văn Thừa**

